TƯ TƯỞNG CỦA SIMONE DE BEAUVOIR VỀ QUYỀN CỦA NỮ GIỚI TRONG TÁC PHẨM "GIỚI TÍNH THỨ HAI"

HÀ HUYỀN HOÀI VÂN(*)

Ngày nhận bài: 07/02/2025 Ngày thẩm định: 14/02/2025 Ngày duyệt đăng: 20/02/2025

Tóm tắt: *Trong lịch sử tư tưởng nữ quyền, Simone de Beauvoir được xem như một biểu tượng tiên phong với những phân tích sâu sắc về thân phận nữ giới và sự bất bình đẳng giới. Tác phẩm "Giới tính thứ hai" của bà đã đặt nền móng cho một cuộc cách mạng triết học và xã hội khi bà khẳng định rằng: "On ne náit pas femme: on le deviant"(1) (One is not born, but rather becomes, a woman - Người ta sinh ra không phải đã là phụ nữ, mà trở thành phụ nữ). Tư tưởng của Beauvoir không chỉ mang ý nghĩa triết học sâu sắc, mà còn trở thành kim chỉ nam cho các phong trào nữ quyền trên toàn thế giới, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ về quyền con người; xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng và nhân văn.*

Từ khóa: *Giới tính thứ hai; quyền của nữ giới; Simone de Beauvoir*

1. Simone de Beauvoir (1908 - 1986) sinh tại Paris, Pháp, là một triết gia, nhà văn và nhà nữ quyền theo chủ nghĩa hiện sinh vĩ đại nhất của thế kỷ XX. Beauvoir không đứng sau ánh hào quang của bất kỳ ai, mà tự tạo ra ánh sáng riêng bằng những tư tưởng tiên phong và mang tính cách mạng. Điều này thể hiện qua hàng loạt tác phẩm: *L'Invitée - Người khách* (năm 1943), *Le Sang des autres - Máu của kẻ khác* (năm 1945), *Mémoires d'une jeune fille rangée - Hồi ký của một cô gái trẻ ngăn nắp* (năm 1958); *La Force de l'âge - Sức mạnh của tuổi tác* (năm 1960),… Beauvoir đã dành cả cuộc đời đấu tranh cho nữ quyền và giải phóng con người, để lại dấu ấn lịch sử qua tác phẩm *Le Deuxième Sexe - Giới tính thứ hai* (xuất bản 1949). Simone de Beauvoir đã đạt được một số giải thưởng danh giá trong sự nghiệp của mình.

Ra đời trong bối cảnh xã hội phương Tây vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của chế độ gia trưởng, tác phẩm *Giới tính thứ hai* thể hiện những tư tưởng của Beauvoir về quyền của nữ giới và sự tha hóa mà họ phải đối mặt. Bà lập luận rằng, nữ giới bị xem như "giới tính thứ hai", bị đẩy vào vị trí phụ thuộc. Beauvoir cho rằng, sự bình đẳng giới không chỉ đòi hỏi thay đổi luật pháp và cấu trúc xã hội, mà phải thay đổi tư duy và nhận thức về bản chất và quyền lợi của nữ giới. Tác phẩm này đã góp phần quan trọng trong việc khai mở con đường cho phong trào nữ quyền hiện đại, kêu gọi nữ giới tự giải phóng mình khỏi những ràng buộc xã hội áp đặt lên họ. Cuốn sách đã bán được 22.000 bản ngay trong tuần đầu tiên xuất bản. *Giới tính thứ hai* không chỉ là tác phẩm triết học, mà còn là một cuộc cách mạng về tư tưởng xã hội. Bằng việc phân tích các cấu trúc xã hội và các định kiến về giới tính, Beauvoir đã mở ra con đường mới cho phong trào nữ quyền hiện đại. Đồng thời, bà cũng tham gia tích cực vào phong trào giải phóng phụ nữ (Mouvement de libération

(*) ThS, NCS, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

des femmes). Ngoài việc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và đòi bình đẳng giới, Beauvoir cùng Jean-Paul Sartre tham gia Tòa án quốc tế xét xử tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam do Bertrand Russell sáng lập.

Tác phẩm *Giới tính thứ hai* của Beauvoir đã làm phong phú thêm cuộc thảo luận về giới và bình đẳng giới, đồng thời thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức xã hội và chính trị. Thực hiện bình đẳng giới tiến tới giải phóng nữ giới góp phần thúc đẩy sự tiến bộ về quyền con người xây dựng một xã hội tự do, công bằng, bình đẳng và nhân văn. Để đạt được bình đẳng giới thực sự, xã hội cần thay đổi về nhận thức và hành động, tạo ra một môi trường để nữ giới có thể phát triển toàn diện thông qua việc thực hiện các quyền cơ bản của mình.

2. Tác phẩm *Giới tính thứ hai* chứa đựng nhiều nội dung, trong đó thể hiện rõ tư tưởng của Simone de Beauvoir về các quyền cơ bản của nữ giới, cụ thể:

Thứ nhất, quyền tự do thoát khỏi vai trò sinh học và định kiến xã hội

Simone de Beauvoir đã đặt nền móng cho một cuộc tranh luận sâu sắc về quyền tự do của nữ giới thoát khỏi sự giam cầm của vai trò sinh học và những định kiến xã hội vốn đã được thiết lập từ lâu. Bà phê phán sự bất bình đẳng giới trong lịch sử xã hội qua việc gán cho nữ giới từ khi sinh ra một bản chất cố định, thụ động bởi thiên chức làm vợ, làm mẹ. Bà cho rằng: "Tính chất bị động đặc trưng chủ yếu người phụ nữ nữ tính là một nét phát triển ở họ ngay từ những năm đầu. Nhưng cho đó là một dữ kiện sinh học là không đúng: thực ra, đó là một số phận do những người giáo dục họ và xã hội qui định"[2]. Người phụ nữ phải đối mặt với một mâu thuẫn rõ rệt giữa số phận làm người và số phận nữ giới. Trong khi nam giới có thể tự khẳng định bản thân và đồng thời đạt được giá trị xã hội, thì phụ nữ lại phải từ bỏ chủ quyền của mình để trở thành một khách thể bị động, phục tùng xã hội và mong muốn của nam giới. Sự giằng xé này dẫn đến một cuộc xung đột nội tâm khủng khiếp, khi nữ giới phải quyết định giữa việc duy trì tính cách chủ yếu của mình hay chấp nhận vai trò thứ yếu. Beauvoir dẫn chứng: "Ở phụ nữ, ngay từ ngày đầu, có một mối xung đột giữa cuộc sống độc lập của mình và sự tồn tại cho người khác. Người ta dạy cho họ là muốn làm người ta vui lòng, thì phải tập làm người ta vui lòng, phải biến mình thành khách thể, vì vậy, phải từ bỏ cuộc sống độc lập của mình"[3].

Trong xã hội truyền thống, số phận của nữ giới chủ yếu gắn liền với hôn nhân. Cho đến tận ngày nay, phần lớn nữ giới đều liên quan đến hôn nhân, dù là có chồng, đã từng có chồng, chuẩn bị lấy chồng hay đau khổ vì không có chồng. Tình trạng độc thân của nữ giới luôn được nhìn nhận trong mối quan hệ với hôn nhân, bất kể sự phản kháng hay thất vọng của phụ nữ đối với thể chế này. Hôn nhân hiện nay trở thành một sự liên kết tự nguyện giữa hai cá nhân độc lập với các quy ước mang tính chất cá nhân và tương hỗ. Beauvoir viết: "Cả hai phía có thể yêu cầu ly hôn với những điều kiện giống nhau. Phụ nữ không còn bị bó hẹp trong chức năng sinh đẻ; chức năng này đã mất đi phần lớn tính chất nô dịch tự nhiên của nó và được xem như một trách nhiệm được đảm nhận một cách tự nguyện, được đồng hóa với lao động sản xuất vì trong nhiều trường hợp. Nhà nước hay người chủ phải trả lương hay tiền công cho người mẹ trong thời gian mang thai, nghỉ việc"[4].

Vào thế kỷ XIX, tình trạng phá thai không còn xem là tội giết người. Sự chuyển đổi từ sinh đẻ tự do sang sinh đẻ có kiểm soát cho phép nữ giới tự chủ hơn trong việc mang thai, giải phóng họ khỏi sự nô dịch sinh đẻ. Beauvoir viết: "Quan niệm cho phá thai là một tội giết người không còn tồn tại vào thế kỷ XIX,… chuyển từ tình trạng sinh đẻ tự do sang hiện tượng sinh đẻ dưới sự chỉ huy của nhà nước hay của cá nhân. Và thụ tinh nhân tạo sẽ cho phép loài người làm chủ chức năng sinh đẻ…, họ có thể giảm bớt số lần mang thai,… họ có thể đảm nhận vai trò kinh tế được giao phó và vai trò này sẽ bảo đảm cho họ khả năng làm chủ hoàn toàn nhân thân của mình. Quá trình tiến triển thân phận người phụ nữ được giải thích bằng sự hội tụ hai yếu tố: tham gia sản xuất và giải thoát khỏi tình trạng bị công việc sinh đẻ nô dịch"[5].

Qua phân tích trên, Beauvoir đã chỉ ra rằng, bất bình đẳng giới không xuất phát từ bản chất sinh học, mà là kết quả của các cấu trúc xã hội và văn hóa duy trì quyền lực gia trưởng. Theo Beauvoir, quyền tự do thoát khỏi vai sinh học là yếu tố cốt lõi để nữ giới có thể tự chủ trong cuộc sống, không bị gò bó bởi những kỳ vọng gia đình truyền thống là nền tảng giải phóng nữ giới, tiến tới thực hiện bình đẳng giới, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ về quyền con người, trong đó có quyền nữ giới.

Thứ hai, quyền tự do lao động và độc lập kinh tế

Trong lịch sử nhân loại, quyền tự do lao động và độc lập kinh tế của nữ giới không chỉ là nhu cầu cá nhân, mà còn là biểu hiện khát vọng giải phóng con người khỏi những ràng buộc của cấu trúc xã hội truyền thống. Nam giới được coi là cá thể độc lập tham gia lao động sản xuất và được xã hội ghi nhận. Trong khi đó, vai trò sinh đẻ và nội trợ của nữ giới không được đảm bảo phẩm giá tương đương. Hôn nhân được xem là một mục tiêu chính yếu đối với nữ giới, trong khi nam giới lại không bị ràng buộc bởi mong muốn này. Hôn nhân mang lại nhiều lợi ích về vật chất và giải quyết nhu cầu tình dục, nhưng đồng thời đòi hỏi nữ giới phải hy sinh bản thân, từ bỏ tự do và đối diện với những lo âu, khủng hoảng tâm lý khi rời bỏ gia đình và bước vào cuộc sống hôn nhân. Beauvoir dẫn chứng: "…Một nữ nhân vật trong cuốn Thượng viện Nhỏ của Erasme thốt lên một cách chua chát những lời than vãn của giới mình: "Đàn ông là những tay bạo chúa,... Họ coi chúng tôi như những đồ chơi..., biến chúng tôi thành những người thợ giặt là, những người nấu bếp của họ"[6]. Nữ giới vẫn đóng vai trò lao động chính trong gia đình: "Con gái và đàn bà đều không được hưởng quy chế công dân nên bị cấm đoán những chức trách như nghề luật sư việc đảm nhiệm chế độ giám hộ"[7]. Bên cạnh đó, tiền công lao động của nữ giới thấp hơn nam giới tuy cùng làm một công việc trong một khoảng thời gian như nhau: "Một hệ quả thứ hai của thái độ nhẫn nhục, bị động của nữ lao động, là chế độ tiền công mà họ phải chấp nhận..., tiền công của lao động nữ bị quy định hết sức thấp..., phụ nữ đã không biết tự bảo vệ mình chống lại bóc lột,… Người phụ nữ chỉ đưa về gia đình một khoản đóng góp..., họ lao động ở ngoài gia đình, nhưng cho gia đình;… họ chấp nhận một khoản tiền công thấp hơn rất nhiều tiền công đàn ông"[8].

Cùng với quan điểm của Beauvoir, nhà nữ quyền Kate Millett (1934 - 2017) đưa ra nhận định: "Women have been economically exploited as a class, denied the opportunity to work as equals in society"[9] (Phụ nữ bị bóc lột về mặt kinh tế như một giai cấp, bị từ chối cơ hội làm việc bình đẳng trong xã hội). Bên cạnh đó, Shulamith Firestone (1945 - 2012) cũng nhận định: "The economic independence of women is crucial to their liberation... Women's traditional role as the domestic worker is a major source of their economic subjugation"[10] (Sự độc lập về kinh tế của phụ nữ là rất quan trọng cho sự giải phóng của họ,… Vai trò truyền thống của phụ nữ với tư cách là người giúp việc gia đình là nguyên nhân chính khiến họ bị lệ thuộc về kinh tế). Có thể thấy, cả Beauvoir, Millett và Firestone đều cho rằng, để nữ giới có quyền tự do lao động và độc lập kinh tế thì có thể giải phóng bản thân khỏi áp bức và các vai trò giới tính truyền thống.

Như vậy, Beauvoir nhấn mạnh quyền tự do lao động và độc lập kinh tế là điều kiện tiên quyết để đạt được bình đẳng giới. Khi nữ giới kiểm soát tài chính và tự do lao động, họ không chỉ phá vỡ các ràng buộc giới, mà còn thay đổi các cấu trúc quyền lực bất công, tạo điều kiện thiết yếu để nữ giới giải phóng bản thân khỏi các hình thức áp bức xã hội.

Thứ ba, quyền tự do chính trị và thoát khỏi cấu trúc quyền lực truyền thống

Lịch sử là do con người tạo ra, nhưng họ lại chịu sự chế ngự từ những cấu trúc quyền lực chính trị mà chính mình dựng lên. Quá trình thay đổi, phát triển của thân phận nữ giới là cuộc đấu tranh phức tạp, liên tục, chịu sự chi phối của những xiềng xích vô hình của cấu trúc truyền thống. Thế kỷ XVII - XVIII, nữ giới dù đã len lỏi vào các không gian tri thức và chính trị thông qua các "salon văn học, nghệ thuật": "Nhờ trình độ văn hóa và uy tín do trình độ văn hóa tạo nên, phụ

nữ len lõi được vào vũ trụ của đàn ông, vào văn học, vào những cuộc tranh luận về tình yêu và không ít phụ nữ có nhiều tham vọng dính líu đến những âm mưu chính trị. Năm 1623, đức Khâm mạng của Giáo hoàng viết: Ở Pháp, tất cả những sự kiện lớn, tất cả những âm mưu quan trọng đều thông thường phụ thuộc vào phụ nữ"[11].

Một số nữ giới quan tâm trực tiếp tới văn học, triết học, khoa học; họ có phòng vật lý, có labo hóa học, làm thí nghiệm, tiến hành giải phẫu. Nhiều phu nhân quý tộc lần lượt được dạy dỗ nghiêm túc. Thời Louis XV, không có bộ trưởng nào là không có nữ cố vấn, tới mức Montesquieu cho rằng, ở Pháp, mọi việc đều do phụ nữ làm, họ lập nên "một nhà nước mới trong một nhà nước". Cách mạng Pháp, với ánh sáng của tự do, bình đẳng và bác ái, đã hé mở cánh cửa thoát khỏi xiềng xích này. Tuy nhiên, sự tham gia tích cực và dũng cảm của những nữ giới, như Charlotte Corday và Olympe de Gouges, lại vấp phải một rào cản vững chắc, đó chính là hệ thống quyền lực được gia cố bởi định kiến giới. Khi tiếng nói tự do của họ vang lên, nó nhanh chóng bị bóp nghẹt bởi những câu lạc bộ nam giới. Kết cục bi thảm của Olympe de Gouges là minh chứng rõ rệt cho sự kháng cự kiên cố của xã hội trước quyền tự do chính đáng của nữ giới. Beauvoir đưa ra dẫn chứng: "Một vài phong trào nữ quyền nổ ra: Olympe de Gouges, năm 1789, đề xướng một bản "Tuyên ngôn Nữ quyền" đối xứng với "Tuyên ngôn Nhân quyền" và đòi hỏi bãi bỏ mọi đặc quyền của nam giới. Nhưng mặc dù được Condorcet ủng hộ, mọi sự cố gắng đều thất bại và Olympe bị chết trên giàn thiêu,… Hội đồng dân biểu, viên chưởng lý Chaumette dõng dạc tuyên bố: "Từ bao giờ phụ nữ được phép từ bỏ giới tính của mình, được phép làm đàn ông?... (Tạo hóa) đã phán bảo phụ nữ: Hãy làm đàn bà. Chăm sóc trẻ thơ, công việc nội trợ, những nỗi lo toan của việc sinh đẻ, đó là những công việc của nhà ngươi"[12].

Đồng quan điểm với Beauvoir có Betty Friedan (1921 - 2006) được thể hiện trong tác phẩm *The Feminine Mystique*: "Mục tiêu chính của phong trào nữ quyền phải là đạt được độc lập chính trị và kinh tế, giải phóng phụ nữ khỏi sự ràng buộc trong vai trò vợ và mẹ và cho phép họ tham gia đầy đủ vào xã hội"[13]. Hay "Phụ nữ không chỉ đấu tranh cho quyền lợi pháp lý; họ đang đấu tranh để thay đổi những nhận thức xã hội và văn hóa đã giữ họ trong những vai trò phụ thuộc suốt nhiều thế hệ"[14]. Các nhà nữ quyền đều phê phán chế độ gia trưởng đã áp đặt lên nữ giới sự phụ thuộc kinh tế, vai trò giới tính cứng nhắc và sự tước đoạt quyền tự do chính trị. Tuy nhiên, những cải cách lao động, chính trị đầu thế kỷ XX đánh dấu bước đi đầu tiên trên con đường gian nan giành lại tự do và quyền lợi cho nữ giới. Sau Cách mạng tư sản Pháp, nữ giới được hưởng một thời kỳ tự do ngắn ngủi và nhanh chóng bị nô dịch dưới chế độ Napoléon. Đạo luật Napoléon đã quyết định số phận nữ giới Pháp trong suốt một thế kỷ, trì hoãn tiến trình giải phóng của họ. Beauvoir dẫn chứng: "Bản hiến chương đầu tiên về lao động nữ ra đời ngày 2 tháng mười một 1892: cấm lao động đêm và giới hạn ngày lao động ở nhà máy,… Năm 1900, ngày lao động được giới hạn trong phạm vi mười tiếng; năm 1905, ngày nghỉ hàng tuần là bắt buộc; năm 1907, người lao động được tự do sử dụng tiền công của mình,… Năm 1913, người ta quy định những thể thức về chế độ nghỉ của phụ nữ trước và sau khi sinh đẻ; họ bị cấm không được làm những công việc lao động nguy hiểm và quá sức,... Phòng lao động quốc tế đạt tới những khế ước quốc tế liên quan tới điều kiện vệ sinh của lao động nữ, tới chế độ nghỉ khi mang thai,..."[15].

Theo Beauvoir, việc nữ giới có quyền tự do chính trị và thoát khỏi cấu trúc quyền lực truyền thống không chỉ là cuộc đấu tranh về pháp lý hay chính trị, mà sâu xa hơn, đó là cuộc cách mạng triệt để trong nhận thức xã hội về tự do và bình đẳng. Beauvoir cho rằng, việc giải phóng nữ giới không chỉ dừng lại ở cải cách chính trị hay kinh tế, mà đòi hỏi sự tái cấu trúc sâu sắc trong văn hóa và xã hội. Giải phóng nữ giới không chỉ là việc đạt được tự do chính trị, mà còn phải vượt qua các cấu trúc quyền lực gia trưởng, mang lại một xã hội bình đẳng, công bằng và tự do hơn cho nữ giới

Thứ tư, quyền tự do tính dục và lựa chọn trong quan hệ hôn nhân, gia đình

Một trong những khía cạnh nổi bật tư tưởng nữ quyền của Beauvoir là phân tích đời sống tình dục và hôn nhân. Beauvoir bắt đầu từ quan điểm về quyền tự do tính dục của nữ giới, làm sáng tỏ những bất công trong quan hệ tình dục, hôn nhân, gia đình của nữ giới. Bà miêu tả một thực tế đau đớn của nhiều nữ giới khi lần đầu trải nghiệm tình dục, bị cưỡng ép và đối xử tàn nhẫn bởi người tình hoặc chồng. Beauvoir dẫn chứng: "Không hiếm trường hợp kinh nghiệm đầu tiên của cô thiếu nữ là một sự cưỡng dâm thực sự và người đàn ông tỏ ra tàn bạo một cách ghê tởm. Tình hình hết sức thường xuyên xảy ra ở mọi tầng lớp, trong mọi môi trường, là cô trinh nữ bị một người tình ích kỷ đối xử một cách cục cằn khi anh ta hối hả tìm kiếm khoái cảm của riêng mình hay bởi một người chồng đòi hỏi quyền làm chồng và cho thái độ cưỡng lại của vợ như một sự thóa mạ, tới mức phát khùng nếu việc phá trinh gặp khó khăn"[16]. Trải nghiệm này khiến nữ giới cảm thấy đau đớn, bị động và phụ thuộc vào nam giới trong quan hệ tình dục. Tuy nhiên, Beauvoir cho rằng, tình trạng này có thể thay đổi nếu có sự tôn trọng và công nhận quyền tự do của nữ giới từ phía nam giới. Như vậy, quan hệ tình dục có thể trở thành một sự hòa hợp và trao đổi giữa hai người, mỗi người cảm nhận niềm vui riêng của mình nhưng cùng chia sẻ với người kia. Beauvoir viết: "Lúc đó, cả hai người tình có thể cảm thấy một thứ hoan lạc chung, mỗi người theo cách riêng của mình: mỗi người nếm trải khoái cảm như là của riêng mình. Hai từ "nhận" và "cho" trao đổi nghĩa với nhau; niềm vui là lòng biết ơn, khoái cảm là sự âu yếm,… Tất cả mọi nguồn lực của nam tính, của nữ tính quấn quyện vào nhau, tạo thành sự thống nhất chuyển động và ngây ngất,... tương hỗ về cơ thể và tâm hồn, trên cơ sở một sức quyến rũ hứng dục trực tiếp"[17].

Tuy nhiên, Beauvoir cho rằng, đời sống tình dục của nữ giới không chỉ phụ thuộc vào mối quan hệ cá nhân, mà còn bị ảnh hưởng bởi vị trí xã hội và kinh tế của họ. Nữ giới phải đối mặt với việc bảo vệ tư cách chủ thể của mình trong khi vẫn phải đáp ứng nhu cầu nhục cảm, một nhiệm vụ khó khăn và dễ dẫn đến thất bại. Mặc dù vậy, nữ giới có khả năng trải nghiệm tình dục đích thực hơn so nam giới, vì họ không dễ bị đánh lừa bởi những ưu thế giả tạo của việc chiếm đoạt và khoái cảm. Beauvoir viết: "Điều kiện cuộc sống tình dục của người đàn bà phụ thuộc chẳng những vào những dữ kiện nói trên, mà còn vào cả toàn bộ vị trí xã hội và kinh tế của họ"[18].

Bên cạnh đó, Beauvoir nhấn mạnh đến sự nghịch lý trong đời sống tình dục, khi nam giới thường trải nghiệm trong một thế giới nữ tính mềm mại, thì nữ giới lại phải đối mặt với một thế giới nam tính cứng rắn. Điều này dẫn đến việc nhiều nữ giới phát triển khuynh hướng đồng tính luyến ái, một xu hướng mạnh mẽ nhưng bị xã hội cấm đoán. Bà dẫn chứng: "Thật là một nghịch lý kỳ cục khi đàn ông sống trong một thế giới nhục cảm êm đềm, âu yếm, mềm mại, một thế giới nữ tính, trong lúc phụ nữ vận động trong vũ trụ nam tính gay gắt và nghiệt ngã,… Đó là lý do giải thích vì sao ở nhiều phụ nữ, tồn tại một cách tương đối ẩn giấu một khuynh hướng đồng tính luyến ái,… Chúng ta cũng phải hình dung những phụ nữ lựa chọn những con đường bị cấm đoán"[19]. Dù một số nữ giới đã đạt được tự do tình dục, xã hội vẫn đặt ra các yêu cầu nghiêm ngặt đối với cuộc sống của họ. Ở Pháp, hành vi ngoại tình của vợ vẫn bị coi là tội phạm. Ở Mỹ, phụ nữ độc thân thường bị coi là không hoàn thiện về mặt xã hội. Sự phân tích hôn nhân qua lăng kính nữ quyền cho thấy, hôn nhân vẫn là một cấu trúc xã hội duy trì sự bất bình đẳng giữa nam giới và nữ giới. Trong khi có những tiến bộ về mặt pháp lý và xã hội, hôn nhân vẫn phản ánh các giá trị và cơ chế cũ, tiếp tục duy trì sự phụ thuộc và kém quyền lực của nữ giới trong xã hội. Beauvoir dẫn chứng: "Hôn nhân truyền thống không hề tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất cho sự thức tỉnh và nảy nở hiện tượng hứng dục của nữ giới. Ngày trước, trong các cộng đồng theo chế độ mẫu hệ, người ta không đòi hỏi sự trinh nguyên người vợ trẻ;… những cô gái có con ngoài giá thú, đôi khi lại dễ lấy chồng hơn những người khác.… Tuy nhiên đạo đức học gia trưởng đòi hỏi nghiêm ngặt người

vợ trẻ phải trao mình trinh nguyên cho chồng.… Ở Pháp, có những vùng các bạn trai của chàng rể ngồi chờ ở phía sau cánh cửa buồng cô dâu; cười, hát cho tới khi chàng rễ ra với vẻ mặt thắng lợi, đưa cho xem tấm drap có dấu máu. Hoặc nữa, sáng sớm, bố mẹ đưa cho hàng xóm xem. Dưới một hình thức ít thô bạo hơn, tục lệ "đêm tân hôn" hiện còn rất phổ biến"[20]. Những khó khăn và mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, đặc biệt là từ góc nhìn của nữ giới. Tình yêu trong hôn nhân thường bị bó buộc bởi các quy tắc và nghĩa vụ, làm mất đi sự tự do và hứng khởi mà tình yêu nhục dục có thể mang lại. Hôn nhân cũng mang đến cho nữ giới cảm giác cô đơn và hoang mang, đặc biệt là sau khi phải rời xa gia đình và bước vào một cuộc sống mới với những trách nhiệm mới mà họ chưa từng trải qua. Beauvoir phê phán mô hình hôn nhân này, coi đó là sự áp bức tinh thần, ngăn cản nữ giới đạt đến sự tự do và tự nhận thức. Như vậy, theo Beauvoir, quyền tự do tính dục và lựa chọn trong quan hệ hôn nhân, gia đình đã thúc đẩy sự thay đổi quan niệm cả nam giới và nữ giới, hướng tới một xã hội tự do phát triển bản thân và sống trong những mối quan hệ công bằng, bình đẳng và hài hòa.

3. Tư tưởng của Simone de Beauvoir về quyền của nữ giới trong tác phẩm *Giới tính thứ hai* không chỉ phản ánh tình trạng bất bình đẳng giới, mà còn hình thành một hệ thống lý luận mang tính đột phá trong triết học nữ quyền, với những ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn. *Về mặt lý luận:* (1) Beauvoir bác bỏ quan niệm cho rằng, giới tính là một thực thể sinh học cố định; (2) Beauvoir tiếp thu và phê phán lý luận Marxist, nhấn mạnh rằng độc lập kinh tế là điều kiện cần nhưng chưa đủ để giải phóng nữ giới khỏi hệ thống gia trưởng; (3) Beauvoir chỉ ra rằng, nữ giới dù có tham gia vào không gian công cộng vẫn bị loại trừ khỏi các vị trí quyền lực do những quy tắc mang tính phân biệt giới tính. *Về mặt thực tiễn:* Tư tưởng của Beauvoir có ảnh hưởng sâu sắc đến các phong trào nữ quyền và chính sách xã hội (1) Nữ giới không còn bị giới hạn trong thiên chức sinh học, mà được nhìn nhận như những chủ thể tự do, có quyền lựa chọn cuộc sống của mình. Điều này góp phần thúc đẩy phong trào đòi quyền giáo dục, bình đẳng trong lao động và quyền kiểm soát sinh sản. (2) Quan điểm của Beauvoir vẫn mang tính thời sự, khi nữ giới tiếp tục đối mặt với bất bình đẳng về tiền lương, điều kiện làm việc và sự phân công lao động mang tính định kiến giới. Tư tưởng này đặt nền móng cho các phong trào đòi công bằng tiền lương, quyền lao động không phân biệt đối xử và chính sách hỗ trợ thai sản. (3) Beauvoir nhấn mạnh rằng, bình đẳng giới chỉ có thể đạt được khi nữ giới có quyền tham gia vào quá trình ra quyết định. Điều này thúc đẩy các phong trào đòi quyền bầu cử, đại diện chính trị và chính sách thúc đẩy nữ giới tham gia lãnh đạo.

Tư tưởng của Simone de Beauvoir trong *Giới tính thứ hai* không chỉ mang giá trị triết học, mà còn có tác động thực tiễn mạnh mẽ đến phong trào nữ quyền hiện đại. Những phân tích của Beauvoir về sự áp bức giới tính, tha hóa lao động và bất bình đẳng quyền lực vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh đấu tranh bình đẳng giới ngày nay. Điều này thúc đẩy bình đẳng giới và giải phóng nữ giới trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng để xây dựng xã hội công bằng, bình đẳng, nhân văn hơn trong bối cảnh đương đại❑

---

(1) Beauvoir, Simone de. (1949), *La deuxième sexe, Édition du Club France Loisirs, Paris,* avec l'autorisation des Éditions Gallimard. © *Éditions Gallimard*. Renouvelé en 1976. France Loisirs, 1990, pour la preface. ISBN 2-7242-4851-1, pp.267

(2), (3), (5), (6), (7), (8), (11), (12), (15), (16), (17), (18) và (19) Beauvoir, Simone de, *Giới nữ*, t.I, (Nguyễn Trọng Định và Đoàn Ngọc Thanh dịch), Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 1996, tr.164, 164, 99-100, 86, 92, 96, 83, 91, 95, 262, 276-277, 277 và 277-278

(4) và (20) Beauvoir, Simone de, *Giới nữ,* t.II, (Nguyễn Trọng Định và Đoàn Ngọc Thanh dịch), Sđd, tr.4 và 24

(9) Millett. Kate, *Sexual Politics,* Doubleday Press, New York, 1970, tr.121

(10) Firestone. Shulamith, *The Dialectic of Sex: The Case for Feminist Revolution,* William Morrow and Company, New York, 1970, tr.155

(13) và (14) Friedan. Betty, *The Feminine Mystique,* Norton & Company Press, United States. 1963, tr.152 và 182